

ĐỀ THI HỌC KÌ I – Đề số 2**Môn: Địa Lí - Lớp 10****Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập các kiến thức cuối học kì 1 của chương trình sách giáo khoa Địa Lí.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm môn Địa Lí.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải các kiến thức cuối học kì 1 – chương trình Địa Lí 10.

Phần trắc nghiệm (5 điểm) Chọn câu trả lời đúng trong mỗi câu sau:**Câu 1:** Giới hạn phía trên của sinh quyển là

- A. giáp đỉnh tầng bình lưu.
- B. giáp đỉnh tầng giữa.
- C. giáp tầng ô-dôn.
- D. giáp đỉnh tầng đối lưu.

Câu 2: Gió Mậu dịch có tính chất

- A. lạnh, ít mưa.
- B. ẩm, mưa nhiều.
- C. nóng, mưa nhiều.
- D. khô, ít mưa.

Câu 3: Khi ba thiên thể Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất ở vị trí như thế nào thì dao động của thủy triều lớn nhất?

- A. Thăng hàng.
- B. Đối xứng.
- C. Vòng cung.
- D. Vuông góc.

Câu 4: Nguyên nhân sinh ra các mùa trên Trái Đất là do

- A. trục Trái Đất nghiêng và không đổi phương khi tự quay quanh Mặt Trời.
- B. Trái Đất hình cầu, tự quay quanh trục và nghiêng theo phương cố định.
- C. Trái Đất tự chuyển động quay quanh Mặt Trời.
- D. Trái Đất tự chuyển động tự quay quanh trục.

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Sự thay đổi của biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lí trên Trái Đất ($^{\circ}\text{C}$)

| Vĩ độ | 0° | 20° | 30° | 40° | 50° | 60° | 70° | 80° |
|-------------|-------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Bán cầu Bắc | 1,8 | 7,4 | 13,3 | 17,7 | 23,8 | 29,0 | 32,2 | 31,0 |
| Bán cầu Nam | 1,8 | 5,9 | 7,0 | 4,9 | 4,3 | 11,8 | 19,5 | 28,7 |

Nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lí?

- A. Càng về ở xích đạo, biên độ nhiệt độ năm càng tăng.
- B. Càng lên vĩ độ cao, biên độ nhiệt độ năm càng tăng.
- C. Biên độ nhiệt năm ở vĩ độ thấp lớn hơn ở vĩ độ cao.
- D. Biên độ nhiệt năm ở các vĩ độ bán cầu Bắc nhỏ hơn bán cầu Nam.

Câu 6: Theo quy ước, nếu đi từ tây sang đông qua kinh tuyến 180° thì

- A. tăng thêm một ngày lịch.
- B. tăng thêm hai ngày lịch.
- C. lùi lại hai ngày lịch.
- D. lùi lại một ngày lịch.

Câu 7: Nội lực là lực phát sinh từ

- A. nhân của Trái Đất.
- B. bên trong Trái Đất.
- C. bức xạ của Mặt Trời.
- D. bên ngoài Trái Đất.

Câu 8: Về mùa hạ, ở các địa điểm trên bán cầu Bắc luôn có

- A. ngày dài hơn đêm.
- B. toàn ngày hoặc đêm.
- C. ngày đêm bằng nhau.
- D. đêm dài hơn ngày,

Câu 9: Vận động nào sau đây tạo ra các dạng địa hào, địa lũy?

- A. Theo phương nằm ngang ở vùng đá mềm.
- B. Theo phương nằm ngang ở vùng đá cứng.
- C. Theo phương thẳng đứng ở vùng có đá cứng
- D. Theo phương thẳng đứng ở vùng đá dẻo.

Câu 10: Đất được hình thành do tác động đồng thời của các nhân tố

- A. khí hậu, thạch quyển, sinh vật, địa hình, con người.
- B. đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình, thời gian, con người.
- C. khí hậu, sinh vật, địa hình, con người, khoáng sản.
- D. đá mẹ, sông ngòi, sinh vật, địa hình, con người.

Câu 11: Giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất để sử dụng lâu dài nguồn nước ngọt trên Trái Đất?

- A. Phân phối lại nguồn nước ngọt.
- B. Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.
- C. Nâng cao sự nhận thức.
- D. Giữ sạch nguồn nước.

Câu 12: Phát biểu nào sau đây đúng với ảnh hưởng của đất tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

- A. Thực vật sinh trưởng nhờ đặc tính lí, hoá, độ phì của đất.
- B. Cây xanh nhờ ánh sáng để thực hiện quá trình quang hợp.
- C. Sinh vật phát triển tốt trong môi trường tốt về nhiệt, ẩm.
- D. Mỗi loài cây thích nghi với một giới hạn nhiệt nhất định.

Câu 13: Ở nơi địa hình dốc, tầng đất thường

- A. dày do bồi tụ.
- B. dày, giàu chất dinh dưỡng.
- C. bạc màu, ít chất dinh dưỡng.
- D. mỏng, dễ xói mòn.

Câu 14: Nội lực tác động đến địa hình bề mặt Trái Đất thông qua

- A. quá trình vận chuyển.
- B. vận động kiến tạo.
- C. quá trình xâm thực.
- D. quá trình phong hóa.

Câu 15: Trong việc hình thành đất, khí hậu **không** có vai trò nào sau đây?

- A. Làm cho đá gốc bị phân huỷ về mặt vật lí.
- B. Ảnh hưởng đến hoà tan, rửa trôi vật chất.
- C. Tạo môi trường cho hoạt động vi sinh vật.
- D. Cung cấp vật chất hữu cơ và khí cho đất.

Phần tự luận (5 điểm)

Câu 1 (3,0 điểm): Cho bảng số liệu:

Lưu lượng nước trung bình của sông Đà Rằng (qua trạm Củng Sơn)

(Đơn vị: m³/s)

| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|-----------|-----|----|----|----|----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| Lưu lượng | 129 | 77 | 47 | 45 | 85 | 170 | 155 | 250 | 368 | 682 | 935 | 332 |

- a. Tính lưu lượng nước trung bình tháng của sông Đà Rằng.
- b. Vẽ biểu đồ thể hiện lưu lượng nước trung bình các tháng của sông Đà Rằng.
- c. Nhận xét mùa lũ, mùa cạn (mùa lũ vào tháng nào, mùa cạn vào tháng nào), và giải thích nguyên nhân.

.....

.....

.....

.....

Câu 2 (2,0 điểm): Phân tích nhân tố khí hậu, nước ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật trên trái Đất.

.....

.....

.....

.....

----- Hết -----

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT****THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Phần trắc nghiệm**

| | | | | | |
|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Câu 1: C | Câu 2: D | Câu 3: A | Câu 4: A | Câu 5: B | Câu 6: D |
| Câu 7: B | Câu 8: A | Câu 9: B | Câu 10: B | Câu 11: B | Câu 12: A |
| Câu 13: D | Câu 14: B | Câu 15: D | | | |

Câu 1: Giới hạn phía trên của sinh quyển là

- A. giáp đỉnh tầng bình lưu.
- B. giáp đỉnh tầng giữa.
- C. giáp tầng ô-dôn.
- D. giáp đỉnh tầng đối lưu.

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về giới hạn của sinh quyển.

Xác định giới hạn trên của sinh quyển.

Lời giải

Giới hạn của sinh quyển phụ thuộc vào sự tồn tại của sự sống, ranh giới trên cao tiếp xúc với tầng ô-dôn của khí quyển.

Đáp án cần chọn là đáp án C.**Câu 2:** Gió Mậu dịch có tính chất

- A. lạnh, ít mưa.
- B. ẩm, mưa nhiều.
- C. nóng, mưa nhiều.
- D. khô, ít mưa.

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về gió Mậu Dịch.

Xác định tính chất của loại gió này

Lời giải

Gió Mậu Dịch xuất phát từ áp cao Cận Chí Tuyến thổi về áp thấp Xích Đạo, có hướng và tốc độ tương đối ổn định quanh năm, ở bán cầu Bắc hướng Đông Bắc, ở bán cầu Nam theo hướng Đông Nam, tính chất chung là khô, nóng.

Đáp án cần chọn là đáp án D.

Câu 3: Khi ba thiên thể Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất ở vị trí như thế nào thì dao động của thủy triều lớn nhất?

- A. Thăng hàng.
- B. Đối xứng.
- C. Vòng cung.
- D. Vuông góc.

Phương pháp

Nhớ lại phần kiến thức về thủy quyển.

Xác định các từ khóa trong câu hỏi: vị trí Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất, dao động thủy triều lớn nhất.

Lời giải

Trong mỗi tháng âm lịch, khi ba thiên thể Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất thẳng hàng, biên độ nước dâng lớn gọi là thủy triều.

Đáp án cần chọn là đáp án A.

Câu 4: Nguyên nhân sinh ra các mùa trên Trái Đất là do

- A. trục Trái Đất nghiêng và không đổi phương khi tự quay quanh Mặt Trời.
- B. Trái Đất hình cầu, tự quay quanh trục và nghiêng theo phương cố định.
- C. Trái Đất tự chuyển động quay quanh Mặt Trời.
- D. Trái Đất tự chuyển động tự quay quanh trục.

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về hệ quả chuyển động của Trái Đất xung quanh Mặt Trời. Từ đó, xác định nguyên nhân sinh ra các mùa trên Trái Đất.

Lời giải

Nguyên nhân sinh ra các mùa trên trái đất là do Trái Đất chuyển động xung quanh Mặt Trời với trục nghiêng không đổi và nghiêng với mặt phẳng quỹ đạo một góc khoảng $66^{\circ}33'$, làm cho góc chiếu của tia sáng mặt trời và thời gian tiếp nhận tia sáng mặt trời thay đổi trong năm.

Đáp án cần chọn là đáp án C.

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Sự thay đổi của biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lí trên Trái Đất ($^{\circ}\text{C}$)

| Vĩ độ | 0° | 20° | 30° | 40° | 50° | 60° | 70° | 80° |
|-------|-------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| | | | | | | | | |

| | | | | | | | | |
|-------------|-----|-----|------|------|------|------|------|------|
| Bán cầu Bắc | 1,8 | 7,4 | 13,3 | 17,7 | 23,8 | 29,0 | 32,2 | 31,0 |
| Bán cầu Nam | 1,8 | 5,9 | 7,0 | 4,9 | 4,3 | 11,8 | 19,5 | 28,7 |

Nhận xét nào sau đây **đúng** về thay đổi biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lí?

- A. Càng về ở xích đạo, biên độ nhiệt độ năm càng tăng.
- B. Càng lên vĩ độ cao, biên độ nhiệt độ năm càng tăng.
- C. Biên độ nhiệt năm ở vĩ độ thấp lớn hơn ở vĩ độ cao.
- D. Biên độ nhiệt năm ở các vĩ độ bán cầu Bắc nhỏ hơn bán cầu Nam.

Phương pháp

Biên độ nhiệt độ năm là chênh lệch nhiệt độ giữa tháng có nhiệt độ cao nhất và tháng có nhiệt độ thấp nhất trong năm;

Quan sát sự thay đổi của biên độ nhiệt độ ở từng vĩ độ;

So sánh biên độ nhiệt giữa các vĩ độ và giữa hai bán cầu;

Dựa trên số liệu và quy luật thay đổi, xác định đáp án phù hợp.

Lời giải

Phân tích từng phương án để chọn ra đáp án đúng

Đáp án **A: Sai** vì càng về xích đạo biên độ nhiệt độ năm càng giảm.

Đáp án **B: Đúng** vì càng lên vĩ độ cao chênh lệch nhiệt độ giữa tháng có nhiệt độ cao nhất và tháng có nhiệt độ thấp nhất càng lớn vì vậy biên độ nhiệt độ năm tăng.

Đáp án **C: Sai** vì biên độ nhiệt độ năm ở vĩ độ thấp nhỏ hơn ở vĩ độ cao.

Đáp án **D: Sai** vì biên độ nhiệt độ năm ở các vĩ độ bán cầu Bắc lớn hơn bán cầu Nam.

Đáp án cần chọn là đáp án B

Câu 6: Theo quy ước, nếu đi từ tây sang đông qua kinh tuyến 180^0 thì

- A. tăng thêm một ngày lịch.
- B. tăng thêm hai ngày lịch.
- C. lùi lại hai ngày lịch.
- D. lùi lại một ngày lịch.

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức giờ trên Trái đất. Từ đó, xác định sự thay đổi của giờ trên Trái đất khi đi từ đông sang tây qua kinh tuyến 180^0

Lời giải

Người ta quy định lấy kinh tuyến 180^0 đi qua múi giờ số 12 ở Thái Bình Dương làm đường chuyển ngày quốc tế. Nếu đi từ phía đông sang phía tây qua kinh tuyến 180^0 thì phải tăng một ngày lịch và ngược lại nếu đi từ phía tây sang phía đông qua kinh tuyến 180^0 thì phải giảm một ngày lịch.

Đáp án cần chọn là đáp án C.

Câu 7: Nội lực là lực phát sinh từ

- A. nhân của Trái Đất.
- B. bên trong Trái Đất.
- C. bức xạ của Mặt Trời.
- D. bên ngoài Trái Đất.

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về nội lực (khái niệm, tác động). Từ đó, xác định nguồn gốc của nội lực.

Lời giải

Nội lực là lực sinh ra trong lòng đất, liên quan đến nguồn năng lượng bên trong Trái Đất.

Đáp án cần chọn là đáp án B.

Câu 8: Về mùa hạ, ở các địa điểm trên bán cầu Bắc luôn có

- A. ngày dài hơn đêm.
- B. toàn ngày hoặc đêm.
- C. ngày đêm bằng nhau.
- D. đêm dài hơn ngày.

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về hệ quả chuyển động của Trái Đất xung quanh mặt trời, hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.

Xác định các từ khóa quan trọng trong đề bài: “mùa hạ”, “bán cầu Bắc”.

Lời giải

Phân tích các phương án để chọn đáp án đúng:

Đáp án A: **Đúng** do Trái Đất chuyển động xung quanh Mặt Trời với hướng trục không thay đổi và nghiêng với mặt phẳng quỹ đạo một góc $66^{\circ}33'$, vào mùa hạ (22/6-23/9) bán cầu Bắc ngả về phía Mặt trời, lượng bức xạ và thời gian chiếu sáng lớn, vì vậy ngày dài hơn đêm.

vì hiện tượng toàn ngày hoặc đêm xảy ra ở phạm vi từ vòng cực đến cực ở cả 2 bán cầu.

Đáp án B: **Sai** vì hiện tượng toàn ngày hoặc đêm xảy ra ở phạm vi từ vòng cực đến cực ở cả 2 bán cầu.

Đáp án C: **Sai** vì hiện tượng ngày đêm dài bằng nhau diễn ra ở khu vực Xích đạo.

Đáp án D: **Sai** vì vào mùa hạ (22/6-23/9) bán cầu Bắc ngả về phía Mặt trời, lượng bức xạ và thời gian chiếu sáng lớn hơn, vì vậy đêm ngắn hơn ngày.

Đáp án đúng là đáp án A.

Câu 9: Vận động nào sau đây tạo ra các dạng địa hào, địa lũy?

- A. Theo phương nằm ngang ở vùng đá mềm.
- B. Theo phương nằm ngang ở vùng đá cứng.

C. Theo phương thẳng đứng ở vùng có đá cứng

D. Theo phương thẳng đứng ở vùng đá dẻo.

Phương pháp

Xác định địa hình địa lũy, địa hào là tác động của vận động theo phương nằm ngang (tác động của nội lực), chỉ ra vận động này xảy ra trên vùng đá nào

Lời giải

Đứt gãy xảy ra ở những vùng đá cứng làm cho đất đá bị gãy vỡ rồi di chuyển ngược hướng theo phương thẳng đứng hay nằm ngang, tạo thành các dạng địa hình địa lũy, địa hào,...

Đáp án cần chọn là đáp án A.

Câu 10: Đất được hình thành do tác động đồng thời của các nhân tố

A. khí hậu, thạch quyển, sinh vật, địa hình, con người.

B. đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình, thời gian, con người.

C. khí hậu, sinh vật, địa hình, con người, khoáng sản.

D. đá mẹ, sông ngòi, sinh vật, địa hình, con người.

Phương pháp

Nhớ lại kiến thức về thổ nhưỡng quyển, từ đó xác định các nhân tố tác động đến quá trình hình thành đất.

Lời giải

Bất kì loại đất tự nhiên nào trên Trái Đất cũng được hình thành bởi các nhân tố: đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình, thời gian và con người. Tùy vào điều kiện hình thành mà mỗi nhân tố có sự tác động mạnh, yếu khác nhau, tạo nên các loại đất khác nhau về thành phần, tính chất và giá trị sử dụng.

Đáp án cần chọn là đáp án B.

Câu 11: Giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất để sử dụng lâu dài nguồn nước ngọt trên Trái Đất?

A. Phân phối lại nguồn nước ngọt.

B. Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

C. Nâng cao sự nhận thức.

D. Giữ sạch nguồn nước.

Phương pháp

Để trả lời câu hỏi này, cần đánh giá các giải pháp trong mối quan hệ với mục tiêu **sử dụng lâu dài nguồn nước ngọt**. Tập trung vào các biện pháp mang tính bền vững, khả thi, và ảnh hưởng trực tiếp đến bảo tồn nguồn nước.

Lời giải

Phân tích các phương án chọn ra đáp án đúng

Đáp án A: Sai vì phân phối lại nguồn nước ngọt là giải pháp nhằm giải quyết tình trạng phân bố không đều của nguồn nước ngọt, nhưng không trực tiếp góp phần vào việc sử dụng bền vững nguồn nước.

Đáp án B: Đúng vì sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả là giải pháp quan trọng nhất vì nó giúp giảm lãng phí, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn nước ngọt, kéo dài thời gian sử dụng, và bảo tồn nguồn tài nguyên này cho thế hệ tương lai.

Đáp án C: Sai vì nâng cao nhận thức là giải pháp hỗ trợ, giúp thúc đẩy hành động, nhưng chưa phải là yếu tố chính.

Đáp án D: Sai vì giữ sạch nguồn nước là biện pháp quan trọng để bảo vệ chất lượng nguồn nước, nhưng không tác động trực tiếp đến vấn đề tiết kiệm hay sử dụng lâu dài.

Đáp án cần chọn là đáp án B.

Câu 12: Phát biểu nào sau đây đúng với ảnh hưởng của đất tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

- A. Thực vật sinh trưởng nhờ đặc tính lí, hoá, độ phì của đất.
- B. Cây xanh nhờ ánh sáng để thực hiện quá trình quang hợp.
- C. Sinh vật phát triển tốt trong môi trường tốt về nhiệt, ẩm.
- D. Mỗi loài cây thích nghi với một giới hạn nhiệt nhất định.

Phương pháp

Xác định ảnh hưởng của đất tới sự phát triển phân bố sinh vật, từ đó chọn ra phương án đúng.

Lời giải

Cấu trúc của đất, độ phì và độ Ph của đất có vai trò quan trọng trong sự phát triển và phân bố sinh vật. Qua đó cũng tác động tới sự phân bố của sinh vật.

Đáp án cần chọn là đáp án A.

Câu 13: Ở nơi địa hình dốc, tầng đất thường

- A. dày do bồi tụ.
- B. dày, giàu chất dinh dưỡng.
- C. bạc màu, ít chất dinh dưỡng.
- D. mỏng, dễ xói mòn.

Phương pháp

Xác định vai trò của địa hình trong quá trình hình thành đất.

Lời giải

Địa hình tác động chủ yếu tới sự phân phối nhiệt độ, độ ẩm và tích tụ vật liệu. Ở nơi có địa hình dốc, nước chảy theo độ dốc của địa hình làm xói mòn đất, rửa trôi các chất dinh dưỡng trong đất.

Đáp án cần chọn là đáp án D.

Câu 14: Nội lực tác động đến địa hình bề mặt Trái Đất thông qua

- A. quá trình vận chuyển.
- B. vận động kiến tạo.
- C. quá trình xâm thực.

D. quá trình phong hóa.

Phương pháp

Xác định tác động của nội lực tới địa hình bề mặt Trái Đất.

Lời giải

Nội lực tác động tới địa hình bề mặt Trái Đất thông qua các vận động kiến tạo như vận động theo phương thẳng đứng và vận động theo phương nằm ngang.

Đáp án cần chọn là đáp án B.

Câu 15: Trong việc hình thành đất, khí hậu **không** có vai trò nào sau đây?

- A.** Làm cho đá gốc bị phân huỷ về mặt vật lí.
- B.** Ảnh hưởng đến hoà tan, rửa trôi vật chất.
- C.** Tạo môi trường cho hoạt động vi sinh vật.
- D.** Cung cấp vật chất hữu cơ và khí cho đất.

Phương pháp

Xác định vai trò của khí hậu trong quá trình hình thành đất.

Chú ý từ khóa “không” trong câu hỏi.

Lời giải

Khí hậu có vai trò quan trọng trong quá trình hình thành đất, tác động tới sự phát triển của các nhân tố khác như đá mẹ, địa hình, sinh vật. Hai yếu tố nhiệt độ và lượng mưa của khí hậu có tác động mạnh nhất đến quá trình phong hóa đá và hình thành đất.

Đáp án cần chọn là đáp án B.

Phần tự luận.

| CÂU | ĐÁP ÁN | THANG ĐIỂM |
|-----|--|--|
| 1 | a. Tính lưu lượng nước trung bình tháng của sông Đà Rằng. - Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Đà Rằng: $273\text{m}^3/\text{s}$ | 0,5 đ |
| | b. Vẽ biểu đồ đường (thiếu đơn vị, tháng – 0,25 đ) | 1,5 đ |
| | c. Nhận xét: - Mùa lũ từ tháng 9 đến tháng 12 - Mùa cạn từ tháng 1 đến tháng 8 - Nguyên nhân: do lưu vực của sông Đà Rằng nằm trong khu vực có mưa vào thu - đông. | 0,5đ 0,5đ |
| | Nhân tố Khí hậu, nước ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật trên trái Đất. + Khí hậu: - Ánh sáng: thực hiện quá trình quang hợp, khả năng định hướng và sinh sản của động vật. - Nhiệt độ: ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng, phát triển, qui định vùng phân bố. - Nước: + Nguyên liệu cho cây quang hợp, trao đổi chất ở động vật. + Nguồn nước dồi dào sinh vật phát triển. + Hoang mạc khô hạn sinh vật ít. | 2 điểm 0,5đ 0,5đ 0,5đ 0,25đ 0,25đ |

